TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29/10/2021
V/v "Tranh chấp về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Sang

Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu

- **Thư ký phiên tòa**: Bà Kiên Thị Minh Hiếu là thư ký Tòa án.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa**: Ông Trần Văn Thòn, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 484/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 về việc "Tranh chấp về ly hôn".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2021/QĐXX-ST ngày 10 tháng 9 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đại Th, xã Phước H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Bị đơn: Chị Lê Thị Ph, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đại Th, xã Phước H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày**:

Về hôn nhân: Sau khi được sự đồng ý của cha mẹ hai bên, anh với chị Ph tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 1994, không có đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới anh với chị Ph ra sống ở riêng tại ấp Đại Th, xã Phước H,

huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Anh làm nghề sửa điện tử, còn chị Ph ở nhà nội trợ. Anh với chị Ph sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Ph có quan hệ tình cảm với người khác, nên tình cảm hai vợ chồng ngày càng nhạt phai và tại phiên tòa hôm nay anh T trình bày không còn tình cảm với chị Ph và hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2021 cho đến nay. Anh T yêu cầu được ly hôn chị Lê Thị Ph.

Về con chung: Có 01 người là Nguyễn Anh Kh, sinh ngày 21/01/1996, con đã trưởng thành nên anh T không yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung: Anh T trình bày có, tự thỏa thuận với chị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Anh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lê Thị Ph đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Hòa giải, Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần đến tham gia phiên tòa nhưng chị Ph vẫn không đến theo triệu tập của Tòa án, cũng không gửi văn bản nêu ý kiến của bản thân đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thi Ph.

* Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử.

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa hôm nay đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý đến thời điểm này nguyên đơn đã thực hiện theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn chị Lê Thị Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến theo triệu tập của Tòa án cũng không gửi văn bản nêu rõ ý kiến là vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc giải quyết vụ án đề nghị như sau:

Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Ph là vợ chồng

Về con chung: Anh T và Ph có 01 người con chung là Nguyễn Anh Kh, sinh ngày 21/01/1996 đã trưởng thành, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Anh T trình bày có, tự thỏa thuận với chị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Anh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn chị Lê Thị Ph, trú tại ấp Đại Th, xã Phước H, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là "tranh chấp về ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh thụ lý vụ án theo thủ tục thông thường. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị Ph Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần nhưng chị Ph vẫn không có mặt tham dự phiên tòa theo Giấy triệu tập của Tòa án. Nên Tòa án xét xử vắng mặt chị Ph theo quy định tại 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Ph tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994 có tổ chức lễ cưới, tuy nhiên anh T và chị Ph không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật hôn nhân và gia đình. Nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị Ph là không hợp pháp. Nay do trong quá trình chung sống với nhau anh T và chị Ph có nhiều mâu thuẫn không thể tiếp tục chung sống với nhau. Nên anh T có yêu cầu Tòa án cho anh ly hôn với chị Lê Thị Ph. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Ph là vợ chồng

Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Ph có với nhau 01 người con chung Nguyễn Anh Kh, sinh ngày 21/01/1996, hiện nay cháu Kh đã trưởng thành, anh T không yêu cầu gì về con, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản chung: Anh T trình bày có, tự thỏa thuận với chị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về nợ chung: Anh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử và quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T: Không công nhận anh Nguyễn Văn T với chị Lê Thị Ph là vợ chồng.

2/ Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Ph có với nhau 01 người con chung Nguyễn Anh Kh, sinh ngày 21/01/1996, hiện nay cháu Kh đã trưởng thành, anh T không yêu cầu gì về con, nên không giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Anh T trình bày có, tự thỏa thuận với chị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4/ Về nợ chung: Anh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

5/ Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh T đã nộp là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005428 ngày 23/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự có mặt tại phiên toà biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại

phiên toà biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu;

Nguyễn Phú Hiệp